

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025
cho Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình để thực hiện chế độ tiền thưởng theo
Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2583/QĐ-SYT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình để thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Xét đề nghị của phòng Tài Chính – Kế Toán Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

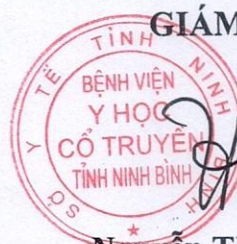
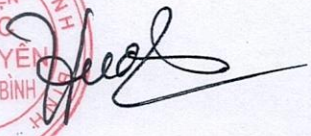
Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 cho Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình để thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình, phòng Tài chính – Kế toán và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu : TCHC-TCKT.

GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Vân Hải

Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình
Chương: 423

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 738/QĐ-BVYHCT ngày 31/12/2025)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Loại - khoản	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách		
1	Số thu tại đơn vị		
2	Chi từ nguồn thu được để lại		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		796
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	130-132	796
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (Mã nguồn 18)		796
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		

Số tiền (bằng chữ): Bảy trăm chín mươi sáu triệu đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Vân Hải

Số: 2583 /QĐ-SYT

Ninh Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để chi trả kinh phí hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của HĐND tỉnh (đợt 2 năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị khôi tỉnh để thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao và phân bổ dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, cụ thể:

- Thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ đi lại 2 tháng cuối năm 2025 (tháng 11 và tháng 12) theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của HĐND tỉnh, số tiền: 502.800.000 đồng* (Năm trăm linh hai triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).

- Thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, số tiền: 14.467.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu đồng chẵn)

(*): Theo Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình phân bổ cho Sở Y tế số tiền chi trả kinh phí hỗ trợ đi lại là 514.800.000 đồng. Xét theo đề nghị của các đơn vị trực thuộc, Sở Y tế đề nghị phân bổ kinh phí hỗ trợ đi lại cho các đơn vị trực thuộc số tiền là 502.800.000 đồng và đề nghị trả lại NSNN số tiền là 12.000.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ Dự toán NSNN năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tại Điều 1:

- Tổ chức thực hiện theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;
- Chịu trách nhiệm toàn diện về việc chi trả kịp thời kinh phí cho cán bộ, viên chức, người lao động theo đúng đối tượng, đúng định mức, công khai, minh bạch; quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2517/QĐ-SYT ngày 25/12/202; Quyết định số 2562/QĐ-SYT ngày 29/12/2025.

Điều 4. Trưởng phòng Tài chính, Sở Y tế và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực V;
- Các phòng GD thuộc KBNN khu vực V;
- GD và các PGD Sở Y tế;
- Lưu: VT, TC.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Hạnh

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / 12 /2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng																
				Văn phòng Sở Y tế	Chi cục An toàn thực phẩm	Chi cục Dân số và Trẻ em	Bệnh viện Phổi Hà Nam	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Ninh Bình	Bệnh viện Tâm thần Nam Định	Bệnh viện Tâm thần Hà Nam	Bệnh viện PHCN Ninh Bình	Bệnh viện PHCN Nam Định	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm	Trung tâm Giám định y khoa	Trung tâm Cấp cứu 115	Trung tâm Pháp Y	
A	Dự toán Ngân sách nhà nước		14.969,8	137	118	38,4	93,0	796	878	97	52	470	45	420	1.069,8	314,6	148	89	51	
1	Chi quản lý hành chính		293,4	137	118	38,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.1	Loại 340-341		293,4	137	118	38,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	87	5	82	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	87	5	82															
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	15	206,4	132	36	38,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Kinh phí hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	15	206,4	132	36	38,4														
2	Chi sự nghiệp y tế		12.882,4	-	-	-	93	796	878	97	52	470	45	420	1.069,8	314,6	148	89	51	
2.1	Loại 130-131		3.659,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.069,8	314,6	-	-	-	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	3.399	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	855	269	-	-	-	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	3.399												855	269				
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	15	260,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	214,8	45,6	-	-	-	
	Kinh phí hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	15	260,4												214,8	45,6				
2.2	Loại 130-132		9.134	-	-	-	93	796	878	97	52	470	45	420	-	-	148	-	51	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	9.098	-	-	-	93	796	878	97	52	470	45	420	-	-	124	-	39	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	9.098				93	796	878	97	52	470	45	420			124		39	
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	15	36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24	-	12	
	Kinh phí hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	15	36														24		12	
2.3	Loại 130-139		89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	89	-	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	89	-	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	89															89		
3	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		630	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3.1	Loại 070-093		630	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	630	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	630																	
4	Chi sự nghiệp Bảo đảm xã hội		1.164	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4.1	Loại 370-371		606	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	606	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	606																	
4.2	Loại 370-398		558	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	558	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	558																	
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN			1010794	1096815	1081136	1052001	1042186	1067534	1046234	1052000	1079159	1046233	1003302	1079160	1003554	1112844	1122006	1121176	
	Mã số KBNN nơi giao dịch			1311	1311	1311	1325	1311	1311	1321	1325	1312	1324	1315	1311	1311	1311	1311	1311	

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / 12 /2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: triệu
đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng														
				Trung tâm Y tế Tam Điệp	Trung tâm Y tế Yên Mô	Trung tâm Y tế Nho Quan	Trung tâm Y tế Gia Viễn	Trung tâm Y tế Hoa Lư	Trung tâm Y tế Yên Khánh	Trung tâm Y tế Kim Sơn	Trung tâm Y tế Xuân Trường	Trung tâm Y tế Thanh Liêm	Trung tâm Y tế Bình Lục	Trung tâm Y tế Kim Bảng	Trung tâm Y tế Duy Tiên	Trường Cao đẳng Y tế Ninh Bình	Trung tâm PHCN tâm thần Ninh Bình	Trung tâm Bảo trợ xã hội Ninh Bình
A	Dự toán Ngân sách nhà nước		14.969,8	1.052	736	382	897	1.257	1.003	323	32	696	667	552	762	630	606	558
1	Chi quản lý hành chính		293,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Loại 340-341		293,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	87															
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	15	206,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	15	206,4															
2	Chi sự nghiệp y tế		12.882,4	1.052	736	382	897	1.257	1.003	323	32	696	667	552	762	-	-	-
2.1	Loại 130-131		3.659,4	274	220	382	275	491	278	323	32	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	3.399	274	220	382	275	491	278	323	32	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	3.399	274	220	382	275	491	278	323	32							
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	15	260,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	15	260,4															
2.2	Loại 130-132		9.134	778	516	-	622	766	725	-	-	696	667	552	762	-	-	-
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	9.098	778	516	-	622	766	725	-	-	696	667	552	762	-	-	-
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	9.098	778	516		622	766	725			696	667	552	762			
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	15	36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	15	36															
2.3	Loại 130-139		89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	89															
3	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		630	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	630	-	-
3.1	Loại 070-093		630	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	630	-	-
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	630	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	630	-	-
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	630													630		
4	Chi sự nghiệp Bảo đảm xã hội		1.164	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	606	558
4.1	Loại 370-371		606	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	606	-
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	606	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	606	-
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	606														606	
4.2	Loại 370-398		558	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	558
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	558	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	558
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	558															558
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN			1049526	1049529	1114516	1049523	1003556	1042188	1114520	1076786	1051899	1051902	1051900	1051897	1019402	1042355	1042347
	Mã số KBNN nơi giao dịch			1312	1312	1315	1315	1311	1316	1316	1324	1327	1327	1326	1326	1311	1312	1311

Sở Y tế tỉnh Ninh Bình

Chương: 423

Cấp NS: 02

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / 12 /2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình

Mã số: 1042186

Mã KBNN: 1311

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Tổng số
A	Dự toán Ngân sách nhà nước		796
2	Chi sự nghiệp y tế		796
2.2	Loại 130-132		796
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	18	796
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	18	796